

Số: 1220/2020/QĐST - HNGĐ

Thủ Đức, ngày 02 tháng 12 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ
SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.
- Căn cứ Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107 và Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015.
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1147/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/11/2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Xuân TG, sinh năm: 1989

Hộ khẩu thường trú: thôn Đồng Cau, xã Suối Tân, huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ tạm trú: 15/16A đường số A, khu phố B, phường LX, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và ông Trần VĐ, sinh năm: 1988

Hộ khẩu thường trú: ấp Hưng Thạnh, xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang.

Địa chỉ tạm trú: 15/16A đường số A, khu phố B, phường LX, quận TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/11/2020;

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân TG và ông Trần VĐ thuận tình ly hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 48 do Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hưng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 16/5/2016)

+ Về con chung: Bà Nguyễn Xuân TG và ông Trần VĐ cùng xác định có 01 con chung tên Trần PS (Nam), sinh ngày: 01/01/2016. Bà Nguyễn Xuân TG và ông Trần

VĐ thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Xuân TG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

+ Về cấp dưỡng: Bà Nguyễn Xuân TG không yêu cầu ông Trần VĐ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về lệ phí Tòa án: Các đương sự nộp theo quy định pháp luật.

[2]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 24/11/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Xuân TG và ông Trần VĐ thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Có 01 con chung tên Trần PS (Nam), sinh ngày: 01/01/2016. Bà Nguyễn Xuân TG và ông Trần VĐ thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Xuân TG trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự của bà Nguyễn Xuân TG không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung: Các đương sự tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về lệ phí Tòa án: 300.000 đồng bà Nguyễn Xuân TG và ông Trần VĐ có nghĩa vụ nộp, nhưng được cản trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2019/0058144 ngày 06/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TĐ. Bà Nguyễn Xuân TG và ông Trần VĐ đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được

thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Võ Thị Kim Trang